

**CHƯƠNG TRÌNH**

**phát triển kinh tế biển tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025  
và định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

-----

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Chương trình phát triển kinh tế biển giai đoạn 2021 - 2025, với các nội dung chủ yếu sau:

**I- KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH, THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN**

**1. Thực trạng**

**1.1. Thuận lợi**

- Trà Vinh là tỉnh ven biển và nằm phía Đông khu vực đồng bằng sông Cửu Long, là cửa ngõ ra biển Đông, có chiều dài bờ biển 65 km, cảnh quan khí hậu thuận lợi cho việc phát triển du lịch, nhất là phát huy thế mạnh khu du lịch Biển Ba Động. Tỉnh có 04 huyện và 01 thị xã tiếp giáp biển<sup>(1)</sup>. Vùng biển Khu Kinh tế biển Định An với diện tích quy hoạch 39.020 ha, là 01 trong 08 khu kinh tế ven biển trọng điểm của cả nước được Chính phủ lựa chọn để tập trung đầu tư; có luồng cho tàu biển có tải trọng lớn vào sông Hậu, bến cảng tổng hợp Định An là tiền đề thúc đẩy phát triển cảng nước sâu và trở thành trung tâm giao thương của khu vực; Trung tâm Điện lực Duyên Hải với công suất 4.490 MW và có nguồn tài nguyên đa dạng, phong phú để phát triển các công trình năng lượng tái tạo... là điều kiện rất thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển.

- Vùng biển Trà Vinh đa dạng sinh học, có nguồn lợi thủy sản dồi dào, phong phú,<sup>(2)</sup> và có nhiều loài có giá trị kinh tế<sup>(3)</sup>, sản lượng khai thác hải sản bình quân hàng năm khoảng 65.000 tấn. Nuôi trồng thủy sản có tiềm năng phát triển mạnh, nhất là nuôi tôm công nghệ cao gắn với chế biến thủy sản, với khoảng 37.500 ha đất nuôi trồng thủy sản, sản lượng hàng năm đạt khoảng 127.000 tấn (trong đó sản lượng nuôi nước mặn, nước lợ chiếm khoảng 95%).

- Hàng năm, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh cung ứng hơn 10 ngàn lao động chất lượng từ trình độ cao đẳng, đại học và sau đại học cho tỉnh, khu vực và cả nước; có đội ngũ cán bộ được đào tạo trong và ngoài nước trên các lĩnh vực khoa học, có khả năng tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng.

---

<sup>(1)</sup> Huyện Duyên Hải, Cầu Ngang, Trà Cú, Châu Thành và thị xã Duyên Hải.

<sup>(2)</sup> Có 73 loài thuộc 05 ngành thực vật phù du đa phần tập trung vào ngành tảo Silic và các ngành tảo có nguồn gốc nước mặn, mật độ trung bình 666/cá thể/lít; 48 loài động vật phù du khá là phong phú; nguồn lợi thủy sản cá có 40 họ, 78 loài giống và 150 loài cá biển ven bờ, nước lợ và cá di cư; trữ lượng tôm biển ở các cửa ven biển có 97-212 kg/ha (Bắc Cung Hầu) và 64-249 kg/ha (Cửa Định An).

<sup>(3)</sup> Cá ngừ, cá hồng, cá thu, tôm hùm, tôm sú, cua, ghẹ...

- Sau 13 năm thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 09/02/2007 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về Chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020 và gần 03 năm thực hiện Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh luôn ý thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, chủ quyền quốc gia.

- Kinh tế biển tăng trưởng bình quân 10,5%/năm; giá trị sản xuất của các huyện, thị xã ven biển đóng góp khoảng 70% tổng giá trị sản xuất của toàn tỉnh; giá trị tăng thêm ngành thủy sản bình quân khoảng 3,6%/năm; thu nhập bình quân đầu người các huyện, thị xã ven biển gấp khoảng 1,1 lần so với thu nhập bình quân chung của tỉnh. Công tác quản lý tổng hợp, thống nhất tài nguyên, môi trường biển được triển khai đồng bộ, bước đầu đạt kết quả nhất định. Kết cấu hạ tầng các huyện, thị xã ven biển được quan tâm đầu tư: Cảng cá kết hợp khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; các tuyến giao thông kết hợp đê bao ven biển; công trình thủy lợi; khu dân cư, tái định cư; trường học; bệnh viện, trạm y tế; tỷ lệ hộ dân vùng ven biển sử dụng điện đạt 98,33%; nước sạch nông thôn đạt 66,44%; nước hợp vệ sinh nông thôn đạt 99,78%; đời sống nhân dân vùng ven biển từng bước được cải thiện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biên giới biển được bảo vệ vững chắc.

### **1.2. Khó khăn, hạn chế**

Phát triển kinh tế biển chưa tương xứng với tiềm năng. Công tác quản lý nhà nước còn nhiều bất cập, nhất là công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và khai thác tài nguyên năng lượng. Kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế vùng biển, giao thông vận tải biển chưa được quan tâm đầu tư đúng mức; việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản còn hạn chế, khả năng cạnh tranh thấp, công nghiệp chế biến còn yếu. Khu Kinh tế Định An thiếu nguồn lực triển khai các hạng mục thiết yếu, xúc tiến đầu tư còn nhiều khó khăn; đánh bắt xa bờ phát triển chậm, số tàu có công suất lớn còn ít, ngư cụ chưa đủ mạnh, thiết bị công nghệ lạc hậu. Việc đầu tư để phát triển cơ sở đào tạo còn hạn chế, đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển sản phẩm sau nghiên cứu chưa đủ để phát triển thành sản phẩm thương hiệu. Tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bão, sạt lở bờ sông, bờ biển ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất của nhân dân vùng biển. Ngành dịch vụ cảng biển, vận tải biển, hậu cần nghề cá chậm phát triển; chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch biển chưa hấp dẫn du khách; tỷ lệ hộ nghèo các huyện vùng ven biển còn cao so với bình quân chung của tỉnh<sup>(4)</sup>.

<sup>(4)</sup> Huyện Châu Thành: 1,94%; huyện Cầu Ngang: 3,18%; huyện Trà Cú: 2,63%; huyện Duyên Hải: 3,59%; thị xã Duyên Hải: 0,86%. Tỷ lệ bình quân chung của 5 huyện là 2,55% so với 1,8% của tỉnh.

**2. Nguyên nhân hạn chế:** Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện phát triển kinh tế biển của một số cấp ủy từng lúc thiếu thường xuyên, quyết liệt; công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực thiếu tính tổng thể, tập trung và liên kết; thiếu nguồn lực đầu tư, các chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư chưa phát huy được hiệu quả cao; công tác đào tạo, dạy nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề chưa đáp ứng yêu cầu. Việc hỗ trợ vốn đầu tư cho ngư dân cải hoán tàu thuyền, hỗ trợ nuôi thủy sản hiệu quả chưa cao.

## **II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU**

### **1. Quan điểm**

- Quán triệt sâu sắc, đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra tại Quyết định 339/QĐ-TTg và Quyết định 1513/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch Khu Kinh tế Định An; Chương trình số 30-CTr/TU và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI về vị trí, vai trò quan trọng của kinh tế biển, lấy kinh tế biển và Khu Kinh tế Định An làm nền tảng đối với phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bền vững, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kinh tế biển là ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, Trà Vinh phải đi lên từ kinh tế biển; trên cơ sở đó, xác định mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá; đồng thời quy hoạch, phân định lộ trình thực hiện cụ thể nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của kinh tế biển, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

### **2. Mục tiêu**

#### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển tỉnh Trà Vinh trở thành một trong những tỉnh trọng điểm phát triển kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; khắc phục tốt tình trạng ô nhiễm môi trường, tình trạng sạt lở bờ biển và biển xâm thực; phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển; phát triển Khu Kinh tế Định An, huy động các nguồn lực đầu tư, bao gồm đầu tư nước ngoài và đầu tư từ tư nhân, xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng, thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư sản xuất kinh doanh gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

#### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tổng giá trị sản xuất các huyện, thị xã ven biển đóng góp khoảng 70 - 75% giá trị sản xuất của toàn tỉnh; thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần so với thu nhập bình quân chung của tỉnh.

- Đến năm 2025 giá trị tăng thêm ngành thủy sản tăng trưởng bình quân 5%/năm; sản lượng thủy sản đạt khoảng 300.000 tấn/năm (trong đó nuôi trồng 200.000 tấn, khai thác 100.000 tấn).

- Phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, phấn đấu du lịch biển tăng trưởng bình quân hàng năm 15%, đến năm 2025 chiếm 10% tỷ trọng của toàn ngành.

- Các xã đảo có hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản đầy đủ, đặc biệt là điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi; các xã ven biển giữ vững nông thôn mới và xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nâng cao, đạt các tiêu chí đô thị loại III; thị trấn Cầu Ngang đạt tiêu chí đô thị loại IV; các huyện: Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải đạt tiêu chí huyện Nông thôn mới trước năm 2025.

- Phấn đấu khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế năng lượng tái tạo với tổng công suất khoảng 46.500 MW, trong đó:

+ Điện gió: Công suất 33.787 MW (giai đoạn 2021 - 2030 là 4.587 MW, giai đoạn 2031 - 2045 là 29.200 MW);

+ Điện mặt trời: Công suất 7.587 MW (giai đoạn 2021 - 2025 là 4.587 MW, giai đoạn 2026 - 2045 là 3.000 MW);

+ Điện khí: Công suất 5.000 MW (giai đoạn 2021 - 2030 là 2.000 MW, giai đoạn 2031 - 2045 là 3.000 MW).

+ Điện sinh khối: Công suất 110 MW (giai đoạn 2031 - 2035);

+ Điện rác: Công suất 21,13 MW (giai đoạn 2031 - 2035);

### **III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Nhiệm vụ trọng tâm**

Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Trong 05 năm tới, tập trung ưu tiên phát triển Khu Kinh tế Định An và một số nhiệm vụ mang tính chiến lược: (1) Năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (2) Công nghiệp biển; (3) Nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản; (4) Du lịch biển; (5) Hoàn thiện một số hạng mục kết cấu hạ tầng quan trọng về kinh tế biển và logistics; phát triển giao thông vận tải biển (6) Đẩy mạnh phát triển giáo dục, tiếp tục đầu tư cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển; (7) Bảo đảm hài hòa phát triển kinh tế biển với quốc phòng - an ninh, phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **2. Các giải pháp chủ yếu**

**2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của kinh tế biển được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 ; trong đó, định hướng thay đổi tư duy của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu đơn vị, địa phương về bản chất và xu thế phát triển kinh tế biển; xác định phát triển kinh tế biển là động lực quan trọng và là nhiệm vụ của hệ thống chính trị. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 467/QĐ-TTg, ngày 18/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030.**

### **2.2. Các giải pháp về phát triển kinh tế biển, ven biển**

**2.2.1. Tập trung rà soát, điều chỉnh và xây dựng đồng bộ các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển**

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó, tích hợp cụ thể, chặt chẽ, khoa học phù hợp với tiềm năng của tỉnh, lợi thế của từng vùng, đặc điểm của từng địa phương. Tiếp tục rà soát lại quy hoạch và kết quả triển khai thực hiện quy hoạch đối với Khu Kinh tế Định An; quy hoạch ngành thủy sản, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu nội ngành, ưu tiên phân bổ và có chính sách thúc đẩy phát triển các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao; ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và đánh bắt để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm; nâng cao lợi thế so sánh của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai quy hoạch đồng bộ Khu Kinh tế Định An; đẩy mạnh thu hút đầu tư các ngành nghề theo quy hoạch; đầu tư cho việc đào tạo cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cho khu kinh tế với đa dạng ngành nghề, trình độ; sớm hoàn thành đưa vào sử dụng bến cảng tổng hợp Định An và các công trình hạ tầng giao thông.

- Xây dựng Đề án phát triển kinh tế biển của tỉnh với tầm nhìn xa hơn, làm cơ sở cho các địa phương cụ thể hóa, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đột phá của tỉnh. Quản lý chặt chẽ kế hoạch sử dụng đất ven biển và vùng biển ven bờ khi giao cho tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên biển để phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với quy hoạch, kế hoạch ngành, lĩnh vực để tạo ra giá trị gia tăng cho tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan Trung ương quy hoạch không gian biển quốc gia vào quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ trên địa bàn tỉnh, tạo

cơ sở pháp lý để huy động các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế biển, ven biển, từng bước hình thành các đô thị ven biển.

- Tổ chức thực hiện đồng bộ Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn. Tiếp tục rà soát bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời và các dự án điện gió ngoài khơi<sup>(5)</sup>; đồng thời, đầu tư hạ tầng truyền tải điện, phân đấu đến năm 2025 Trà Vinh trở thành một trong những trung tâm năng lượng của vùng.

- Tăng cường kêu gọi đầu tư phát triển công nghiệp biển như sửa chữa đóng tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến và công nghiệp phụ trợ.

- Rà soát nhu cầu lao động của Khu kinh tế Định An và các công trình, dự án lớn của tỉnh để đáp ứng nhu cầu lao động chất lượng của doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư.

### *2.2.2. Tập trung phát triển khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, phát triển kinh tế biển và ven biển*

#### *a) Khai thác thủy sản*

- Đẩy mạnh khai thác thủy sản ở những vùng biển xa bờ, gắn khai thác bền vững với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản. Từng bước hiện đại hóa công tác quản lý tàu cá, công tác bảo quản sản phẩm sau khai thác với công nghệ tiên tiến để thúc đẩy phát triển kinh tế biển. Tăng cường bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nhất là các loài thủy sản đang có nguy cơ tuyệt chủng. Thực hiện tốt, hoạt động quản lý nghề cá khu vực biển tỉnh Trà Vinh theo hướng bền vững, hiệu quả và có trách nhiệm. Đẩy mạnh tập huấn, tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và phù hợp với quy định quốc tế.

- Đầu tư nâng cấp và nâng cao hiệu quả đánh bắt xa bờ; thành lập tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hậu cần nghề cá; nâng cấp và mở rộng dịch vụ Cảng cá Định An; khôi phục và phát triển Làng nghề chế biến thủy sản Mỹ Long (huyện Cầu Ngang) và Đông Hải (huyện Duyên Hải). Ưu tiên phát triển các hợp tác xã hậu cần nghề cá trên biển để kịp thời thu mua, chế biến, tiêu thụ hải sản theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng, tăng giá trị hải sản đánh bắt, đồng thời cung cấp hậu cần thiết yếu giúp các đội tàu bám biển dài ngày.

- Đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất các lĩnh vực khai thác, chế biến thủy sản và tiêu thụ. Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đưa vào quy hoạch các cảng cá mới loại II, loại III kết hợp gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và phát triển chợ đầu mối hải sản và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; chuyển đổi công năng Cảng cá Láng Chim.

<sup>(5)</sup> 04 dự án điện năng lượng mặt trời và 25 dự án điện gió tại các huyện ven biển.

### *b) Nuôi trồng thủy sản*

- Tập trung rà soát lại diện tích nuôi trồng cả trong đất liền và vùng bãi bồi ven biển. Phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; lựa chọn các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh, có khả năng cạnh tranh trên thị trường, trong đó tập trung vào các đối tượng nuôi thủy sản có tiềm năng thế mạnh, khả năng cạnh tranh của tỉnh. Nghiên cứu nâng cao chất lượng tôm giống; củng cố, sắp xếp, khôi phục lại các hợp tác xã nuôi nghề hoạt động theo Luật Hợp tác xã. Phấn đấu đến năm 2025 có 15.000 ha diện tích nuôi thủy sản thâm canh và bán thâm canh theo hướng sạch có kiểm chứng và có chỉ dẫn địa lý; trong đó, có 1.100 ha nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với tôm sú và tôm thẻ chân trắng, cua, các loài nhuyễn thể... đóng góp quan trọng trong giá trị gia tăng ngành thủy sản trong cơ cấu GRDP.

- Đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản (*hệ thống thủy lợi, điện, đường...*). Tăng cường công tác quản lý nhà nước về con giống, thức ăn thủy sản, thuốc, sản phẩm xử lý môi trường nuôi thủy sản; quản lý thời vụ, môi trường... Tổ chức tuyên truyền, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi, hạn chế rủi ro, nâng cao chất lượng, sản lượng sản phẩm sạch đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

### *c) Chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản*

Xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án nhà máy chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, tiến tới phát triển công nghiệp chế biến, hoàn thiện chuỗi giá trị thủy sản. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, từng bước thâm nhập vào những thị trường mới, tiềm năng, khó tính; gia tăng kim ngạch xuất khẩu ở các thị trường truyền thống, bảo vệ lợi ích chính đáng cho ngư dân đánh bắt và người nuôi thủy sản.

### *d) Phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp*

- Tập trung chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng, có chỉ dẫn địa lý và lợi thế của địa phương, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa, thích ứng biến đổi khí hậu, nông nghiệp công nghệ cao gắn với chế biến, tiêu thụ các sản phẩm có lợi thế, có giá trị gia tăng cao. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường bảo vệ, chăm sóc và phát triển rừng, chú trọng trồng rừng ven biển, ven sông, rừng ngập mặn để phòng, chống sạt lở; khuyến khích nhân dân trồng rừng sản xuất và trồng cây phân tán; tiếp tục giao đất, giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất cho người dân đúng quy định. Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ và phát triển rừng.

*e) Phát triển Khu Kinh tế Định An, các khu công nghiệp trong Khu kinh tế và công nghiệp ven biển, các dự án đầu tư trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế biển*

- rà soát quy hoạch và thực hiện quy hoạch đối với Khu kinh tế Định An và các khu công nghiệp trong Khu kinh tế.

- Tập trung huy động các nguồn lực, kêu gọi đầu tư, hoàn thiện các hạng mục hạ tầng quan trọng Khu kinh tế Định An, phát triển các khu công nghiệp trong Khu kinh tế như: Khu công nghiệp Đôn Xuân - Đôn Châu; Khu công nghiệp Định An và các phân khu chức năng trong Khu kinh tế như: Khu ngoại quan; Khu phi thuế quan; hệ thống phân phối hàng hóa...; đầu tư một số hạng mục Khu Dịch vụ - công nghiệp Ngũ Lạc để thu hút đầu tư; phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở phát triển cảng biển và Khu kinh tế Định An. Tiếp tục kiến nghị Bộ Tài chính thành lập Chi cục Hải quan tại tỉnh, tạo thuận lợi cho việc làm các thủ tục và nộp thuế xuất, nhập khẩu đối với các doanh nghiệp xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa qua Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu.

- Kiến nghị Trung ương xác định đầu tư cảng biển Trà Vinh, với trọng tâm là cảng nước sâu, trở thành cửa ngõ biển để kết nối với các tỉnh của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, cả nước và thế giới; kêu gọi đầu tư cảng nước sâu và các bến tàu thủy nội địa phù hợp với hệ thống cảng biển được phê duyệt, bao gồm kết nối vùng ven biển Bến Tre qua cầu Bãi Vàng, Trà Vinh.

- Tiếp tục kiến nghị Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương sớm triển khai trước năm 2030 đối với tuyến cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng, kết nối với Dự án cầu Đại Ngãi, phát triển tuyến đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, trong đó, ưu tiên hạ tầng kết nối với 04 xã đảo huyện Duyên Hải; kiến nghị mở rộng và sớm triển khai tuyến cao tốc từ cửa khẩu quốc tế Thường Phước (huyện Hồng Ngự) và Dinh Bà (huyện Tân Hồng), Đồng Tháp đến Khu kinh tế Định An (huyện Trà Cú), huyện Duyên Hải, Trà Vinh; tiếp tục kiến nghị Chính phủ xem xét bổ sung quy hoạch, khôi phục sân bay Long Toàn cho mục đích lưỡng dụng (dân sự và quốc phòng), đầu tư cho cảng nước sâu nhằm hướng đến các giải pháp đồng bộ về hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy và đường hàng không, tạo động lực phát triển các thành phần kinh tế, đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

- Nghiên cứu đề xuất ban hành chính sách đặc thù đối với Khu kinh tế Định An để thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp đóng tàu, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ, công nghiệp năng lượng (*điện năng lượng mặt trời, điện gió, dự án điện VIII*), phục vụ phát triển kinh tế biển. Khuyến khích khôi phục các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống chế biến thủy - hải sản.

- Kiến nghị Chính phủ đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng hệ thống logistics; kêu gọi, thu hút đầu tư và tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp lớn có tiềm lực

về cảng biển và năng lực đầu tư về hạ tầng<sup>(6)</sup>; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong phát triển kinh tế biển, kết nối với các đối tác quốc tế tiềm năng<sup>(7)</sup> để đầu tư phát triển các công trình hạ tầng trọng điểm về kinh tế biển.

*f) Phát triển đô thị ven biển*

- Từ sau năm 2025, nghiên cứu định hướng từng bước xây dựng 04 xã đảo huyện Duyên Hải thành trung tâm đô thị biển phía Tây Nam của Khu kinh tế Định An.

- Quy hoạch xây dựng thị xã Duyên Hải đạt tiêu chí đô thị loại III hướng đến đô thị thông minh vào năm 2030. Trong đó, chú trọng đến các tiêu chí về quy mô diện tích và dân số để có kế hoạch đề xuất Quốc hội, Chính phủ điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện; nâng cấp xã Trường Long Hòa, xã Dân Thành lên phường; xã Ngũ Lạc lên đô thị loại V.

- Quy hoạch phát triển mới các đô thị ven biển gắn với đầu tư hạ tầng giao thông tuyến ven biển, phát triển công nghiệp, làng nghề biển; chợ đầu mối hải sản, gắn kết với phát triển mạnh các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, nhà nghỉ dưỡng, phố hải sản, khu ẩm thực biển.

*g) Quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản; phát triển kinh tế hàng hải*

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên biển và ven biển, nhất là việc khai thác tài nguyên nước, tài nguyên cát bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn ngừa xói lở, biển xâm thực. Tiến tới phát triển một số hoạt động thăm dò, khai thác các quặng, mỏ khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tập trung kêu gọi đầu tư Bến cảng Trà Cú, Bến cảng tổng hợp Định An, khuyến khích đầu tư phát triển các đội tàu vận tải biển phục vụ vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu gắn với phát triển ngành công nghiệp đóng tàu trong Khu kinh tế Định An, phát triển các đô thị mới ven biển.

*h) Phát triển năng lượng tái tạo*

Đề xuất Chính phủ tiếp tục đưa một số dự án đầu tư phát triển năng lượng trên địa bàn tỉnh vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 (*Quy hoạch điện VIII*) nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh về năng lượng tái tạo. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư hạ tầng truyền tải điện để giải phóng công suất các dự án điện đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh. Phấn đấu đến năm 2025 sản lượng điện sản xuất đạt 43,8 tỷ KWh.

**2.3. Đẩy mạnh phát triển du lịch, thương mại - dịch vụ**

- Tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

<sup>(6)</sup> Như Tân Cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Becamex.

<sup>(7)</sup> Như thành phố Aichi - Nhật Bản, thành phố Halifax của tỉnh bang Nova Scotia - Canada.

- Phát triển các ngành dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng. Thu hút, kêu gọi đầu tư vào các dự án hạ tầng kỹ thuật phục vụ logistics và chuỗi cung ứng; dự án hạ tầng kỹ thuật khu kho ngoại quan và khu phi thuế quan.

- Phát triển các ngành dịch vụ và dịch vụ biển; vận dụng các nguồn lực cộng đồng cho các hình thức du lịch sinh thái (quy hoạch từ dưới lên); phát triển các cụm tuyến du lịch trên sông Cỏ Chiên, từ thành phố Trà Vinh đến biển Ba Động trong một tuyến hành lang du lịch, kết hợp với đường hành lang ven biển; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, ưu tiên theo hình thức xã hội hóa đầu tư cải tạo, nâng cấp, mở rộng Khu du lịch Biển Ba Động trở thành khu nghỉ dưỡng biển chất lượng cao; xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm... trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; phát triển các tuyến, chuyến du lịch biển tham quan các địa điểm như: Tham quan rừng ngập mặn - các công trình điện gió, điện năng lượng, làng nghề cá; phát triển một số loại hình dịch vụ du lịch trên biển, du lịch cộng đồng; kêu gọi đầu tư tàu du lịch cao tốc tuyến Định An - Côn Đảo, tuyến Định An - Vũng Tàu. Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để người dân ven biển chuyển đổi nghề, trực tiếp tham gia kinh doanh du lịch với sự tâm huyết và đam mê để hưởng lợi chung từ hoạt động du lịch. Tăng cường hợp tác, liên kết phát triển du lịch, phát huy giá trị di sản văn hóa, lịch sử để thu hút du khách; tổ chức các lễ hội tôn vinh văn hóa biển (*lễ hội cúng biển Mỹ Long...*) và xây dựng văn hóa ẩm thực mang tính đặc thù của 03 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa của địa phương.

#### ***2.4. Bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu***

- Phát triển kinh tế biển đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất phù hợp với những thay đổi bất thường của khí hậu, thời tiết. Xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và đề xuất các giải pháp tập trung chỉ đạo ứng phó, thích ứng kịp thời với tình huống xảy ra. Tiếp tục lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, các địa phương và của tỉnh.

- Tập trung đầu tư hoàn thành các hệ thống đê bao, hệ thống công và hệ thống thủy lợi ngăn thủy triều, nước biển dâng, phòng, chống xói lở; kêu gọi đầu tư vào dự án hồ chứa nước mưa. Duy trì và phát triển hệ thống rừng phòng hộ ven biển và nghiên cứu xây dựng trạm quan trắc nhiệt độ, quan trắc gió, quan trắc nước biển dâng, quan trắc diễn biến chất lượng môi trường dưới tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 177-KH/TU, ngày 01/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai nhằm chủ động ứng phó với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập úng, xói lở bờ sông, bờ biển...

### ***2.5. Xây dựng văn hóa biển, xã hội gắn bó, thân thiện với biển***

Tập trung tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về biển và đại dương, xây dựng xã hội, ý thức, lối sống, hành vi văn hóa gắn bó, thân thiện với biển. Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống văn hóa người dân vùng biển, nhất là lễ nghi, tín ngưỡng, thói quen, kinh nghiệm thích nghi với môi trường biển, văn hóa ẩm thực, văn hóa đánh bắt và bảo vệ môi trường biển, bảo vệ đa dạng sinh học biển, bảo đảm quyền tiếp cận, tham gia, hưởng lợi và trách nhiệm của người dân với biển một cách công bằng, bình đẳng.

### ***2.6. Tập trung giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân, phát triển nguồn nhân lực***

- Có chính sách đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng ven biển, giảm tỷ lệ thất nghiệp, hộ nghèo, phấn đấu thu nhập bình quân đầu người cao hơn thu nhập bình quân chung của tỉnh.

- Rà soát, đánh giá Đề án Quy hoạch nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, xây dựng quy hoạch nguồn nhân lực tỉnh gắn với quy hoạch tổng thể tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 làm cơ sở xây dựng đề án đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế biển, giai đoạn 2021 - 2025; tăng cường đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng bộ ngành nghề theo từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế biển, chú trọng nguồn nhân lực theo các lĩnh vực ưu tiên các ngành logistics, nuôi trồng, chế biến và khai thác thủy sản, môi trường, cơ khí, tự động hóa, cơ điện tử, thợ máy, thuyền trưởng... Tăng cường công tác đào tạo theo địa chỉ; đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý về chuyên môn như: Logistics, xuất nhập khẩu, hải quan, thuế, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng quản lý, điều hành...

### ***2.7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế***

- Rà soát phương án phát triển mạng lưới hạ tầng quốc phòng; biên phòng, an ninh khu vực biển vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức, xây dựng các tổ đội khai thác thủy sản và phương án, kế hoạch bảo vệ chủ quyền vùng biển, bảo đảm an ninh, trật tự thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Chủ động hội nhập, tăng cường quan hệ đối ngoại, tích cực tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế trong quản lý, sử dụng bền vững tài nguyên biển. Tranh thủ sự hỗ trợ của đối tác, hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ và bảo tồn sinh thái biển, ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Phát huy các lợi thế về nguồn nhân lực và vai trò của Trường Đại học Trà Vinh và các trường Cao đẳng trên địa bàn tỉnh trong các hoạt động hợp tác giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ để thu hút đầu tư phát triển kinh tế biển.

#### **IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm, chỉ đạo.

**2.** Căn cứ Chương trình này, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với thực tiễn cơ quan, đơn vị, địa phương.

**3.** Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách; giám sát việc thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**4.** Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch triển khai, tuyên truyền, phổ biến Chương trình này.

**5.** Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền, vận động và triển khai các hoạt động giám sát việc thực hiện Chương trình này.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, hội đặc thù tỉnh,
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ tỉnh,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**Kim Ngọc Thái**